

Stt	Họ và tên	Tháng 1						Tháng 2						Tháng 3						Thành tiền quý I
		hsl, hs cv, hs TNVK				hs tăng TN	Thành tiền	hsl, hs cv, hs TNVK				hs tăng TN	Thành tiền	hsl, hs cv, hs TNVK				hs tăng TN	Thành tiền	
		hsl hiện hưởng	hs pc chức vụ	hs thâm niên vk	cộng hs			hsl hiện hưởng	hs pc chức vụ	hs thâm niên vk	cộng hs			hsl hiện hưởng	hs pc chức vụ	hs thâm niên vk	cộng hs			
1	Nguyễn Văn Dân	5,020	0,30		5,32	0,30	3.734.640	5,020	0,30		5,32	0,30	3.734.640	5,02	0,30		5,32	0,30	3.734.640,0	11.203.920,0
2	Phan Thị Hồng Anh	4,680	0,25		4,93	<b>0,50</b>	5.768.100	4,680	0,25		4,93	0,30	3.460.860	4,68	0,25		4,93	0,30	3.460.860,0	12.689.820,0
3	Nguyễn Thị Thơm	2,670			2,67	<b>0,50</b>	3.123.900	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,67			2,67	0,30	1.874.340,0	6.872.580,0
4	Đinh Thị Hiền Giang	4,320			4,32	0,30	3.032.640	4,320			4,32	0,30	3.032.640	4,32			4,32	0,30	3.032.640,0	9.097.920,0
5	Nguyễn Thanh Thảo	4,680	0,20		4,88	0,30	3.425.760	4,680	0,20		4,88	<b>0,50</b>	5.709.600	4,68	0,20		4,88	0,30	3.425.760,0	12.561.120,0
6	Trịnh Thị Cẩm Thúy	4,650			4,65	0,30	3.264.300	4,650			4,65	0,30	3.264.300	4,98			4,98	<b>0,50</b>	5.826.600,0	12.355.200,0
7	Đặng Thị Doan	4,680			4,68	0,30	3.285.360	4,680			4,68	0,30	3.285.360	4,68			4,68	<b>0,50</b>	5.475.600,0	12.046.320,0
8	Đinh Thị Vinh	4,340	0,20		4,54	0,30	3.187.080	4,340	0,20		4,54	<b>0,50</b>	5.311.800	4,34	0,20		4,54	0,30	3.187.080,0	11.685.960,0
9	Bùi Thị Thùy Hạnh	4,340	0,20		4,54	0,30	3.187.080	4,340	0,20		4,54	<b>0,50</b>	5.311.800	4,34	0,20		4,54	0,30	3.187.080,0	11.685.960,0
10	Trần Thị Liên	4,680			4,68	0,30	3.285.360	4,680			4,68	0,30	3.285.360	4,68			4,68	<b>0,50</b>	5.475.600,0	12.046.320,0
11	Phan Thị Vân	4,000	0,15		4,15	<b>0,50</b>	4.855.500	4,000	0,15		4,15	0,30	2.913.300	4,00	0,15		4,15	0,30	2.913.300,0	10.682.100,0
12	Nguyễn Thị Lan	5,020			5,02	0,30	3.524.040	5,020			5,02	0,30	3.524.040	5,02			5,02	<b>0,50</b>	5.873.400,0	12.921.480,0
13	Đào Vũ Sương Mai	4,000			4,00	0,30	2.808.000	4,000			4,00	0,30	2.808.000	4,00			4,00	0,30	2.808.000,0	8.424.000,0
14	Bùi Thị Hồng Nhung	4,340			4,34	0,30	3.046.680	4,340			4,34	0,30	3.046.680	4,34			4,34	0,30	3.046.680,0	9.140.040,0
15	Đông Thị Phương Thảo	4,340			4,34		-	4,340			4,34		-	4,34			4,34	0,30	3.046.680,0	3.046.680,0
16	Đặng Minh Châu	4,340			4,34	0,30	3.046.680	4,340			4,34	0,30	3.046.680	4,34			4,34	<b>0,50</b>	5.077.800,0	11.171.160,0
17	Trần Thị Thủy Dung	3,330			3,33	0,30	2.337.660	3,330			3,33	0,30	2.337.660	3,33			3,33	0,30	2.337.660,0	7.012.980,0
18	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	4,000			4,00	0,30	2.808.000	4,000			4,00	0,30	2.808.000	4,00			4,00	0,30	2.808.000,0	8.424.000,0
19	Nguyễn Trần Khánh Vân	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,670			2,67	<b>0,50</b>	3.123.900	2,67			2,67	0,30	1.874.340,0	6.872.580,0
20	Trần Thị Bích Trâm	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,67			2,67	0,30	1.874.340,0	5.623.020,0
21	Trần Thị Hồng Duyên	4,000			4,00	<b>0,50</b>	4.680.000	4,000			4,00	0,30	2.808.000	4,00			4,00	0,30	2.808.000,0	10.296.000,0
22	Dương Như Linh	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,670			2,67	<b>0,50</b>	3.123.900	2,67			2,67	0,30	1.874.340,0	6.872.580,0
23	Nguyễn Thùy Linh	2,670	0,15		2,82	<b>0,50</b>	3.299.400	2,670	0,15		2,82	0,30	1.979.640	2,67	0,15		2,82	0,30	1.979.640,0	7.258.680,0
24	Phan Thị Tuyết Anh	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,67			2,67	0,30	1.874.340,0	5.623.020,0
25	Khiếu Thị Ngọc Yên	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,670			2,67	0,30	1.874.340	2,67			2,67	0,30	1.874.340,0	5.623.020,0
26	Trần Thị Diệu	2,860			2,86	0,30	2.007.720	2,860			2,86	0,30	2.007.720	2,86			2,86	0,30	2.007.720,0	6.023.160,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100,31</b>	<b>1,45</b>		<b>101,76</b>	<b>8,50</b>	<b>77.079.600</b>	<b>100,31</b>				<b>8,50</b>	<b>77.421.240</b>	<b>100,64</b>				<b>8,80</b>	<b>82.758.780,0</b>	<b>237.259.620,0</b>

Người lập

Khiếu Thị Ngọc Yên

Thanh Khê, ngày 12 tháng 05 năm 2026

Hiệu trưởng

Nguyễn Văn Dân